

PHỤ LỤC IV

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – C.T.CP (Kèm theo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

STT	Nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	Tên quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	Đổi tên lại thành: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với tên gọi theo LDN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
2	CHƯƠNG I NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG	Sửa đổi như sau: CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
3	Điều 1 căn cứ pháp lý: <i>Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng số 1 - C.T.CP được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:</i> <i>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp).</i> <i>- Điều lệ về tổ chức hoạt động của Tổng công ty xây dựng số 1 – C.T.CP được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 10/10/2016.</i> <i>- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 138 /NQ-DHDCD, ngày 15/06/2021</i>	Sửa đổi như sau: <ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC

		<p>số 155/2020/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP; - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26/06/2021; - Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/06/2021; 	
4	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh. <i>Quy chế này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là Ban kiểm soát).</i></p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>
5	<p>Không có</p>	<p>Bổ sung như sau:</p> <p>Điều 2. Định nghĩa từ ngữ</p> <p>1. Các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:</p> <p>a) “Tổng Công ty” có nghĩa là Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ nghĩa các thuật ngữ.</p>

	<p>b) “Điều lệ” có nghĩa là Điều lệ của Tổng Công ty, bao gồm mỗi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ.</p> <p>c) “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.</p> <p>d) “Hội đồng quản trị” có nghĩa là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm quản lý Tổng Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.</p> <p>e) “Ban kiểm soát” có nghĩa là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>f) “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>g) “Người có liên quan” có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Điểm 1 Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>h) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>
--	---

		<p>anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
6	<p>Bổ Điều 3. Nội dung Quy chế.</p> <p>Mục 4.6 Điều 4 Nguyên tắc hoạt động:</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
7	<p>CHƯƠNG II</p> <p>TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>CHƯƠNG II</p> <p>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
8	<p>Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ, nguyên tắc hoạt động.</p> <p>4.1 Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của CCI và các quy định tại quy chế này. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số các thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>4.2 Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên trong đó có 1 (một) Trưởng Ban. Thành viên Ban kiểm soát là những người đáp</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC

ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ CCT.

4.3 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ CCT:

4.4 Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

4.5 Chế độ làm việc:

- Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.
- Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm lập kế hoạch công tác cá nhân và báo cáo đầy đủ những công việc được phân công phụ trách cho Trường Ban Kiểm soát.
- Trên cơ sở kế hoạch từng thành viên Ban Kiểm soát, Trường Ban Kiểm soát xây dựng chương trình công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.6 Nguyên tắc hoạt động:

- Ban Kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, luật chuyên ngành (nếu có), Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập về nghiệp vụ, đảm bảo tính khách quan, trung thực các báo cáo, kết luận giám sát và đề

quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho

<p>xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Kiểm soát phải đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. • Không được tiết lộ kết quả kiểm soát, bí mật liên quan đến công nghệ, bí quyết sản xuất riêng của Tổng công ty trong thời gian thực hiện chức năng nhiệm vụ. <p>Điều 7: Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>7.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phân công của Trường Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>7.2 Thành viên được phân công chuyên trách một số lĩnh vực nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu cho Trường Ban kiểm soát đồng thời báo cáo cho Trường Ban kiểm soát về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình trước Trường ban Kiểm soát về lĩnh vực được phân công.</p> <p>7.3 Không được tiết lộ các kết quả kiểm tra khi chưa được Trường Ban kiểm soát cho phép.</p> <p>7.4 Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông; Trường Ban kiểm soát về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty do mình thực hiện. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới;</p> <p>7.5 Tham dự các phiên họp mở rộng của Hội đồng quản trị, họp giao ban, hội nghị, hội thảo chuyên đề.</p>	<p>đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>
---	---

9	<p style="text-align: center;">Không có</p>	<p>Bổ sung như sau: Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Tổng Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;</p> <p>đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;</p> <p>e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>
10	<p>Điều 6: Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi như sau: Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020</p>

	<p>6.1—Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>6.2—Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>6.3—Chủ trì công tác giám sát, kiểm tra và các công tác khác thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>6.4—Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (quý/năm) và phân công tổ chức thực hiện.</p> <p>6.5—Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>6.6—Triệu tập, chủ trì và quyết định nội dung cuộc họp Ban kiểm soát. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát. Kiểm tra và chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện những công việc được phân công.</p> <p>6.7—Trao đổi ý kiến với Chủ tịch HĐQT về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.</p> <p>6.8—Tham dự các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp của Tổng Công ty.</p> <p>6.9—Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>và TT 116/2020/TT-BTC</p>
--	--	--	------------------------------

	<p>6.10 Giải quyết trực tiếp các ý kiến, đề xuất của các thành viên Ban Kiểm soát, những yêu cầu kiến nghị của cổ đông theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p> <p>6.11 Ký báo cáo và các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát theo quy định trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp hiện hành.</p>		
<p>Sửa đổi/bổ sung đề phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>	<p>Bổ sung như sau:</p> <p>Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc</p>	<p>Không có</p>	<p>11</p>

		<p>tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
12	<p style="text-align: center;">Không có</p>	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty. 	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>
13	<p style="text-align: center;">Không có</p>	<p>Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; 	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>14</p> <p>Không có</p>	<p>Bổ sung như sau:</p> <p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>	

		<p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác;</p> <p>d) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</p> <p>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</p>	
15	Không có	CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
16	<p>Điều 8: Quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>8.1—Được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các biên bản họp, nghị quyết, quy chế, văn bản thuộc về chủ trương, chính sách của Tổng Công ty và các tài liệu có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty.</p> <p>8.2—Trưởng hợp cần thiết Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quyết định</p>	<p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC

<p>việc điều động Cán bộ chuyên viên Tổng Công ty thực hiện chương trình kiểm tra, kiểm soát:</p> <p>8.3—Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các Chi nhánh, phòng, ban của Tổng Công ty và các Công ty con cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.</p> <p>8.4—Được cung cấp các tài liệu liên quan đến các cuộc họp Hội đồng quản trị vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>8.5—Được gửi báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 30 ngày làm việc để thẩm định.</p> <p>8.6—Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập và Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>8.7—Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng công ty tổ chức ở Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty.</p> <p>8.8—Được mời tham dự các cuộc họp, hội nghị của Tổng Công ty. Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị trong các cuộc họp.</p>	<p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.</p> <p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh</p>
--	--

<p>8.9 Tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao kiến thức do Tổng công ty tổ chức hoặc theo đề nghị của Ban Kiểm soát.</p> <p>8.10 Ban Kiểm soát có các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>Điều 5. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</p> <p>Ngoài những quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại các Điều 46, Điều 47, Điều 49 của Điều lệ CCI và Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>5.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ CCI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p> <p>5.2 Ban kiểm soát được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát. Những đánh giá, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại của các đơn vị thành viên, các bộ phận phải mang tính khẳng định, rõ ràng, chính xác.</p> <p>5.3 Xây dựng, ban hành các quy định nội bộ của Ban kiểm soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>5.4 Đề xuất, lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập. Xem xét thư quản lý và các vấn đề về kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên độc lập đồng thời ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc Tổng công ty.</p> <p>5.5 Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ CCI trong công tác quản trị, điều hành của</p>	<p>ng nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.</p> <p>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của cổ đông.</p> <p>13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.</p>
--	---

Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT, thực hiện kiểm tra việc sử dụng lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động; hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty.
- Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của các Quy chế về tổ chức và các mối quan hệ của bộ máy điều hành. Giám sát việc thực hiện các quy chế đã được ban hành.
- Kiểm soát về tính hợp pháp, hợp lý của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký kết để tránh việc các hợp đồng này bị vô hiệu, hoặc có các điều khoản gây bất lợi cho Tổng công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý và tính hợp pháp của các hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc ký kết với người lao động; để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho người lao động, cân bằng lợi ích của người lao động với lợi ích của Tổng Công ty.

5.6 Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các Chi nhánh và các Công ty con; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Giám đốc Tổng Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn quy định tại Điều lệ.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

	<p>5.7 Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ; quản trị rủi ro của Tổng Công ty. Đưa ra các kiến nghị; đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.</p> <p>5.8 Ban kiểm soát thẩm định Báo cáo Tài chính đã được Ban kiểm toán nội bộ của CCI kiểm toán; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng.</p> <p>5.9 Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc. Có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5.10 Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>5.11 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p>	<p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p>
--	---	--

		<p>c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác.</p> <p>2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho TCông ty.</p> <p>3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.</p>	
17	<p>Không có</p>	<p style="text-align: center;">Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</p>	
18	<p>Điều 10. Cuộc họp của Ban kiểm soát.</p> <p>10.1 Ban kiểm soát họp thường kỳ 03 (ba) tháng một lần và họp bất thường khi cần thiết để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> — Cuộc họp bất thường Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của: • Chủ tịch Hội đồng quản trị • Trưởng Ban Kiểm soát • Ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát <p>10.2 Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. Cuộc họp được coi</p>	<p>Sửa đổi lại như sau:</p> <p>Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát</p> <p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>

là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát có mặt.

10.3 Thành viên Ban Kiểm soát không tham dự cuộc họp mà không thông báo lý do và không có ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) 02 lần liên tiếp (06 tháng liên tục) thì Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày sau đề cổ đông xem xét tư cách thành viên Ban Kiểm soát.

10.4 Biểu quyết:

- Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định, sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được 02/03 thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy

quyền chủ tọa cuộc họp (trưởng họp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt):

- Trưởng họp Trưởng Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra trong cuộc họp Ban kiểm soát, sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề trên. Khi đó, 02/03 thành viên còn lại có sự bất đồng ý kiến thì các ý kiến của Kiểm soát viên sẽ được ghi nhận vào biên bản họp Ban Kiểm soát và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông định kỳ hoặc bất thường (đối với sự việc cấp bách ảnh hưởng lớn đến lợi ích cổ đông) để quyết định.

- Trưởng họp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

10.5 Biên bản cuộc họp:

- Trưởng Ban kiểm soát là người chủ trì phiên họp.
- Thư ký hội đồng quản trị lập biên bản cuộc họp.
- Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải có các nội dung như sau:
 - ❖ Ngày, tháng, năm tổ chức cuộc họp. Giờ bắt đầu; giờ kết thúc;
 - ❖ Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
 - ❖ Thành phần tham gia họp / những người vắng mặt;

	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Những nội dung được đưa ra trao đổi; ❖ Kết luận từng vấn đề. • Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được thông qua ngay sau cuộc họp và có chữ ký của các thành viên dự họp; • Trưởng Ban kiểm soát quản lý biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông. 		
<p>19</p>	<p>Không có</p>	<p>Bổ sung như sau:</p> <p style="text-align: center;">Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</p> <p>Điều 17. Trình báo cáo hàng năm</p> <p>Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát. 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty. 5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p>

năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

Sửa đổi như sau:

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 11 Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát.

Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ của CCI và các quy định sau:

11.1. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương hoặc thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định toàn bộ mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm cho Ban kiểm soát.

<p>11.2 Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi tham gia các cuộc họp hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</p> <p>11.3 Thủ lao và chi phí hoạt động Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định Pháp luật về Thuế Thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.</p>	<p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.</p> <p>Bổ sung như sau: Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát</p>
--	---

		<p>hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC
20	<p>Điều 9: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát.</p> <p>9.1—Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban kiểm soát và các thành viên của Ban kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của các cổ đông, chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty. • Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông lớn. • Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty. 	<p>Bổ sung như sau:</p> <p style="text-align: center;">Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành</p> <p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.</p> <p>Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị</p>	

	<p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>
<ul style="list-style-type: none"> • Ban Kiểm soát có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát. <p>9.2 Hội đồng Quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Kiểm soát là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. • Trưởng Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị. • Ban Kiểm soát thông báo với Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất; kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định. Hội đồng quản trị sẽ xem xét đề đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị. • Hội đồng quản trị tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên của Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn. Đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát. • Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời gian và phương thức gửi cho thành viên Hội đồng quản trị. 	

	<ul style="list-style-type: none"> • Các biên bản họp, nghị quyết, quy chế của Hội đồng quản trị đều được gửi cho Ban Kiểm soát. • Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. <p>9.3 Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc trên nguyên tắc độc lập và khách quan đồng thời hợp tác với nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. • Các văn bản, báo cáo của Tổng Giám đốc khi gửi tới Hội đồng quản trị thì đồng thời gửi cho Ban kiểm soát. • Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên Tổng Công ty đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, báo cáo tài chính, quy chế, quy định nội bộ cho Ban kiểm soát. • Chịu trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát và thực hiện theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. • Tổng giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động Ban Kiểm soát; cử cán bộ chuyên viên đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu Ban Kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát. <p>9.4 Quan hệ với các Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc; Người đại diện tại các đơn vị thành viên (Công ty con, Công ty liên doanh/liên kết):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trưởng các Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, Người đại diện vốn tại các Đơn vị thành viên
--	---

phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính chính xác, đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra chịu trách nhiệm khác phục các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề được nêu trong báo cáo theo sự chỉ đạo và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Gửi các Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (đối với Người Đại diện phần vốn CCI tại Công ty con) theo định kỳ hoặc bất thường; báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kiểm toán độc lập, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành, báo cáo hoạt động kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị theo định kỳ Quý, 6 tháng, năm về Ban Kiểm soát theo quy định.

- Khi có lịch kiểm tra của Ban Kiểm soát, Trưởng các Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, Người đại diện vốn tại các Đơn vị thành viên có trách nhiệm bố trí thời gian, cán bộ làm việc và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến chương trình làm việc của Ban Kiểm soát.

9.5 Quan hệ với Ban Kiểm soát các Đơn vị thành viên (Công ty con, Công ty liên doanh/liên kết):

- Ban Kiểm soát Tổng công ty phối hợp với Ban Kiểm soát các Công ty con trong công tác chuyên môn để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao tại các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên Ban Kiểm soát do Tổng công ty đề cử tại các Công ty con, Công ty liên doanh/kiên kết thực hiện nhiệm vụ theo quy định Pháp luật, Điều lệ và phải tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ Quý, 6 tháng, năm và Ban Kiểm soát. <p>9.6 Quan hệ với Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Quản trị rủi ro:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban Kiểm soát Tổng công ty hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Quản trị rủi ro để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trong các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất. Ban Kiểm toán nội bộ tham khảo ý kiến Ban Kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm. Các báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Quản trị rủi ro gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty được cung cấp đồng thời cho Ban Kiểm soát. 	
21	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III</p> <p style="text-align: center;">ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 13. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực thi hành.</p> <p>13.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.</p> <p>13.2 Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện; thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành của Tổng Công ty có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>Sửa đổi/bổ sung để phù hợp với DN 2020 và TT 116/2020/TT-BTC</p> <p style="text-align: center;">Chương VII</p> <p style="text-align: center;">ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP bao gồm VII chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2021.</p>

	<p>13.3 Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ của Tổng Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.</p> <p>13.4 Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét quyết định./.</p>		
--	--	--	--